

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị tài chính(Tài chính doanh nghiệp) - 1104014

Mã lớp học phần: 110401402

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 08/12/2014

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: Minh Trung Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Bao Ngân Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: Kim Yến Ký tên: [Signature]
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090124	Trương Thị Hiền	10/03/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT2	
2	1210090126	Nguyễn Dương Trung Hiếu	06/02/1994	<u>[Signature]</u>		2	Hai	C14QT2	
3	1210090128	Trần Thị Bé Hiếu	04/11/1994	<u>[Signature]</u>		2	Hai	C14QT2	
4	1210090125	Trịnh Ngọc Hiệp	03/10/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT2	
5	1210090129	Trương Thị Tuyết Hoa	27/04/1994	<u>[Signature]</u>		2	Hai	C14QT2	
6	1210090130	Đặng Thị Mỹ Hoan	21/02/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
7	1210090134	Lê Nguyễn Hoàng	28/10/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
8	1210090136	Thái Hoàng	01/10/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
9	1210090140	Nguyễn Vũ Huỳnh Hòa	19/08/1993	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT2	Nợ HP
10	1210090148	Hoàng Văn Hóa	01/06/1994	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT2	
11	1210090137	Nguyễn Thái Học	23/10/1994	<u>[Signature]</u>		3	Ba	C14QT2	
12	1210090133	Trần Ngọc Hồng	11/05/1994	<u>[Signature]</u>		1	Một	C14QT2	
13	1210090138	Trương Thị Tuyết Hôn	10/10/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
14	1210090149	Nguyễn Thành Huân	12/03/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
15	1210090150	Cô Thục Huệ	06/01/1994	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C14QT2	
16	1210090154	Lê Khắc Huy	19/06/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
17	1210090156	Phạm Khắc Huy	19/09/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT2	
18	1210090157	Huỳnh Thị Mỹ Huyền	20/04/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
19	1210090158	Lê Thu Huyền	03/09/1993	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT2	
20	1210090159	Nguyễn Ngọc Huyền	20/02/1994	<u>[Signature]</u>		3	Ba	C14QT2	
21	1210090160	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	18/05/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT2	
22	1210090161	Trần Minh Huyền	29/10/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
23	1210090162	Trần Thị Thu Huyền	01/12/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT2	
24	1210090151	Liu Say Hùng	22/10/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
25	1210090153	Nguyễn Minh Hùng	20/01/1994	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C14QT2	
26	1210090139	Ngô Thành Hưng	28/06/1990	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT2	
27	1210090143	Nguyễn Thị Diễm Hương	20/12/1993	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C14QT2	
28	1210090145	Trần Thị Thanh Hường	01/08/1994	<u>[Signature]</u>		2	Hai	C14QT2	
29	1210090146	Nguyễn Thế Hữu	09/11/1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
30	1210090163	Phạm Thị Kiều Kha	26/08/1994	<u>[Signature]</u>		4	Bốn	C14QT2	
31	1210090164	Lê Ngọc Khang	1993	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	
32	1210090165	Nguyễn Hoàng Duy Khánh	17/01/1994	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C14QT2	

10507
10/12/14
5/12/14

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090166	Phạm Ngân Khánh	17/04/1992	<i>Chanh</i>		7	Bảy	C14QT2	
34	1210090167	Tăng Minh Khánh	02/09/1994	<i>Minh</i>		6	Sáu	C14QT2	
35	1210090168	Trần Minh Khoa	14/09/1994	<i>Minh</i>		8	Tám	C14QT2	
36	1210090169	Nguyễn Bảo Khuong	24/05/1990	<i>Bao</i>		3	Ba	C14QT2	
37	1210090170	Trương Văn Khuong	10/03/1994	<i>Khue</i>		1	Một	C14QT2	
38	1210090172	Trần Văn Trung Kiên	27/05/1994	<i>Tran</i>		5	Năm	C14QT2	
39	1210090174	Đỗ Thị Diễm Kiều	10/07/1994	<i>Do</i>		7	Bảy	C14QT2	
40	1210090175	Trần Thiên Kim	27/03/1994	<i>Kim</i>		8	Tám	C14QT2	
41	1210090171	Ong Cáo Kía	06/06/1994	<i>Keke</i>		6	Sáu	C14QT2	
42	1210090177	Đỗ Lương Quỳnh Lai	02/07/1994	<i>Do</i>		4	Bốn	C14QT2	
43	1210090178	Nguyễn Thùy Lam	05/12/1994	<i>Thuy</i>		4	Bốn	C14QT2	
44	1210090180	Huỳnh Thị Lan	31/07/1994	<i>Huynh</i>		6	Sáu	C14QT2	
45	1210090181	Lê Thị Lan	02/01/1994	<i>Le</i>		4	Bốn	C14QT2	
46	1210090182	Mai Thị Thanh Lan	08/05/1994	<i>Phat</i>		2	Hai	C14QT2	
47	1210090183	Nguyễn Thị Lan	25/03/1993	<i>Jan</i>		6	Sáu	C14QT2	
48	1210090187	Trương Ngọc Lan	09/03/1994	<i>Lon</i>		5	Năm	C14QT2	
49	1210090188	Đào Thị Cẩm Là	16/02/1994	<i>Do</i>		5	Năm	C14QT2	
50	1210090191	Trần Thị Lãnh	10/01/1994	<i>Le</i>		7	Bảy	C14QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Quản trị tài chính(Tài chính doanh nghiệp) - 1104014

Mã lớp học phần: 110401402

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Ngày thi: 08/12/2014

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: V. Phương Ký tên: Tung

Giám thị 2: P. Thuận Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090176	Lưu Bội Lâm	15/01/1994	<u>Lâm</u>		8	Tám	C14QT2	
2	1210090192	Hoàng Phan Thùy Liên	25/01/1994	<u>Liên</u>		4	Bốn	C14QT2	
3	1210090195	Lê Thị Thúy Liễu	02/04/1994	<u>Liễu</u>		4	Bốn	C14QT2	
4	1210090196	Hồ Thị Thùy Linh	07/01/1994	<u>Linh</u>		7	Bảy	C14QT2	
5	1210090199	Lê Thị Kim Linh	20/04/1994	<u>Linh</u>		7	Bảy	C14QT2	
6	1210090200	Lưu Thị Ngọc Linh	10/09/1993	<u>Linh</u>		6	Sáu	C14QT2	
7	1210090203	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/07/1994	<u>Linh</u>		7	Bảy	C14QT2	
8	1210090205	Phan Thị Khánh Linh	10/02/1994	<u>Linh</u>		3	Ba	C14QT2	
9	1210090204	Phạm Thị Linh	22/01/1993	<u>Linh</u>		6	Sáu	C14QT2	
10	1210090206	Thái Kiến Dân Linh	07/06/1994	<u>Linh</u>		7	Bảy	C14QT2	
11	1210090207	Thiệu Khánh Linh	22/01/1994	<u>Linh</u>		8	Tám	C14QT2	
12	1210090208	Trần Thị Mỹ Linh	12/10/1994	<u>Linh</u>		3	Ba	C14QT2	
13	1210090209	Võ Thị Trúc Linh	29/07/1993	<u>Linh</u>		8	Tám	C14QT2	
14	1210090214	Hoàng Thị Thu Loan	15/10/1994	<u>Loan</u>		8	Tám	C14QT2	
15	1210090215	Lê Thị Mỹ Loan	20/09/1994	<u>Loan</u>		8	Tám	C14QT2	
16	1210090216	Nguyễn Thị Quỳnh Loan	11/07/1994	<u>Loan</u>		4	Bốn	C14QT2	
17	1210090217	Vi Lê Phương Loan	19/09/1994	<u>Loan</u>		3	Ba	C14QT2	
18	1210090221	Đỗ Ngọc Long	04/01/1994	<u>Long</u>		2	Hai	C14QT2	
19	1210090211	Lê Thị Bích Lộc	26/11/1994	<u>Lộc</u>		3	Ba	C14QT2	
20	1210090212	Nguyễn Hữu Lộc	16/04/1994	<u>Lộc</u>		3	Ba	C14QT2	
21	1210090218	Trần Quang Lợi	02/04/1994	<u>Lợi</u>		4	Bốn	C14QT2	
22	1210090225	Trương Thị Mỹ Luân	25/11/1994	<u>Luân</u>		5	Năm	C14QT2	
23	1210090222	Lê Trọng Lượng	10/01/1994	<u>Lượng</u>		5	Năm	C14QT2	
24	1210090227	Trần Thị Diệu Ly	10/04/1992	<u>Ly</u>		4	Bốn	C14QT2	
25	1210090228	Trần Thị Thảo Ly	29/10/1994	<u>Ly</u>		4	Bốn	C14QT2	
26	1210090229	Nguyễn Trương Thiên Lý	08/02/1994	<u>Lý</u>		8	Tám	C14QT2	
27	1210090232	Lâm Ngọc Mai	05/03/1994	<u>Mai</u>		6	Sáu	C14QT2	
28	1210090233	Nguyễn Ngọc Mai	10/02/1994	<u>Mai</u>		7	Bảy	C14QT2	
29	1210090234	Chu Xuân Mạnh	11/10/1993	<u>Mạnh</u>		2	Hai	C14QT2	
30	1210090230	Trần Gia Mẫn	08/03/1994	<u>Mẫn</u>		5	Năm	C14QT2	
31	1210090236	Đặng Hoàng Minh	22/04/1994	<u>Minh</u>		6	Sáu	C14QT2	
32	1210090235	Lê Thị Như Minh	20/05/1994	<u>Minh</u>		9	Chín	C14QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210090239	Liên Tiêu Trần	12/05/1993			2	Hai	C14QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.